

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 02 – 2024

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sang

Ông Huỳnh Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 617/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2024:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh M, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: C Gloucester CRT C, BC V Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2023; bản tự khai ngày 29/01/2024, nguyên đơn anh Nguyễn Minh M trình bày như sau:

Anh và chị T kết hôn ngày 24/11/2022 do tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, sau một khoảng thời gian chung sống do cuộc sống khó khăn thì chị T sang Canada theo dạng hợp tác xuất khẩu lao động. Sau khi chị T sang Canada đến nay hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ít liên lạc với nhau. Vợ chồng không thể duy trì đời sống chung, không thể vun đắp tình cảm, mục đích hôn nhân

không đạt được nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Khánh V, sinh ngày 21/11/2016, cháu V hiện đang sống cùng anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại công việc của anh bận rộn nên không thể tham gia tố tụng, anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Theo văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 28/06/2023, bị đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày trong đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Minh M về hoàn cảnh tiến tới hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống. Nay chị biết sự việc anh M nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh M có 01 con chung là Nguyễn Khánh V, sinh ngày 21/11/2016. Chị đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu V muốn sống cùng ai. Nếu cháu V muốn sống với anh M thì chị cũng đồng ý, chị không tranh chấp nuôi con, đề nghị Tòa án tuyên anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Anh M không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do khoảng cách địa lý và điều kiện kinh tế hạn hẹp, khó khăn trong việc đi lại nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết vắng mặt chị.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa anh Nguyễn Minh M và chị Trần Thị Ngọc T là ly hôn, nguyên đơn anh Nguyễn Minh M có địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre; bị đơn chị Trần Thị Ngọc T hiện đang ở Canada nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40

Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh M và chị Trần Thị Ngọc T có tổ chức tiệc cưới vào năm 2014 và xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2022 ngày 24/11/2022 nên hôn nhân giữa anh M và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy, anh M và chị T cùng trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên vào năm 2020 chị T sang Canada theo dạng hợp tác xuất khẩu lao động làm việc cho đến nay, anh M thì ở lại Việt Nam. Do tính chất công việc cùng với việc hai vợ chồng không sống cùng nhau nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ít liên lạc. Hiện tại, anh chị đều cho rằng không còn tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Anh M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T; khi biết anh M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị T cũng trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời gian sống chung, anh M và chị T có phát sinh mâu thuẫn, hiện tại hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M và chị T đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, việc anh M yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Anh M và chị T đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Anh M và chị T đều trình bày thống nhất có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 21/11/2016, hiện đang sống cùng anh M. Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên, cháu V có nguyện vọng được sống cùng anh M, đây là ý chí tự nguyện của cháu. Anh M có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và được sự đồng ý của chị T. Anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh M và chị T đều thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh M và chị T đều thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Minh M đối với chị Trần Thị Ngọc T.

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh M được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc T. Anh Nguyễn Minh M và chị Trần Thị Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

1.2. Về con chung: Anh M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 21/11/2016. Anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Người không trực tiếp nuôi con thì có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của một bên hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh M và chị Trần Thị Ngọc T trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh M và chị Trần Thị Ngọc T trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các bên đương sự có thể khởi kiện bằng vụ

án khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003224 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Anh M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Ngọt